

Bản án số: 46/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Quyết.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức T, sinh năm 1977; Số CCCD Số CCCD số 030077004759, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/05/2021; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu dân cư P, phường N, thành phố H, tỉnh H.

*(Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Vũ Đức T trình bày: Anh và chị Lê Thị N sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện ĐKKH tại UBND xã Thái Học (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ngày 12 tháng 02 năm 1999. Sau ngày cưới ăn vợ chồng ăn ở chung với bố mẹ anh, cả hai đều lao động tự do, vợ chồng sống hạnh phúc được trên 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2019, trong thời gian chị N về nhà bố mẹ ở anh thấy không còn tình cảm, nên anh cũng không tìm gọi chị N về để chung sống, nay anh đề nghị được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con là con Vũ Thị Thanh Q, sinh ngày 24/11/1999; con Vũ Thị H, sinh ngày 12/6/2000 và con Vũ Đức N, sinh ngày 21/8/2012. Con Q và con H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

còn con N đang ở với chị N, nguyện vọng của con N muốn được ở với chị N nên anh đồng ý để chị N được nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là chị Lê Thị N và nhiều lần triệu tập chị N đến Tòa án giải quyết yêu cầu của anh T về việc ly hôn, giải quyết việc nuôi con, nhưng chị N không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2025, Công an phường Nam Đồng xác định: Chị Lê Thị N có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24 tháng 6 năm 2025, chị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với chị N và đồng ý để cho chị N được nuôi con Vũ Đức N. Chị N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T, chị N là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Đức T, đề nghị xử cho anh Vũ Đức T được ly hôn chị Lê Thị N; Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N nuôi con Vũ Đức N, sinh ngày 21/8/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là Vũ Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị N vắng mặt lần 2 không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học (nay là xã Thái Minh), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ngày 12 tháng 02 năm 199. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp. Từ tháng 12 năm 2019 đến nay, anh chị đã sống ly thân không ai có trách nhiệm với ai. Chị N cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng anh T, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và chị N cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với anh T, nhưng chị N không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Vũ Đức T ly hôn với chị Lê Thị N.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con là con Vũ Thị Thanh Q, sinh ngày 24/11/1999; con Vũ Thị H, sinh ngày 12/6/2000 và con Vũ Đức N, sinh ngày 21/8/2012. Con Q và con H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn con Nam đang ở với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị N không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm của mình. Như vậy, chị N đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Con N nguyện vọng muốn được ở với chị N. Anh T nhất trí để chị N được tiếp tục nuôi con. Do vậy, giao con Nam cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng cho con. Điều đó hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Như vậy, là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị N đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức T. Xử cho anh Vũ Đức T ly hôn chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lê Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Vũ Đức N, sinh ngày 21/8/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền anh T đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai số 0003335 ngày 16/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương..

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND Thái Minh, huyện Bình Giang để ghi vào sổ hộ tịch- GCNKH số 14-1999) ;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tú**